TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 22/7/2022
"V/v tranh chấp HNGĐ – Xin ly hôn, nuôi con, chia tài sản và nợ"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Huỳnh Trung Dũng
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phan Quốc Tiến,
2. Bà Nguyễn Thị Phượng.

- *Thư ký phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Thanh Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 22 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 221/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2022 về việc: *"Tranh chấp HNGĐ - Xin ly hôn, nuôi con, chia tài sản và nợ"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 145/2022/QĐXX - ST ngày 07 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Minh L, sinh năm 1989;

Địa chỉ: ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn: Chị Lê Thị Ngọc Đ, sinh năm 1993;

Địa chỉ: tổ A, ấp B, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

(Anh L*, chị* Đ *có mặt tại phiên tòa).*

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn anh*** Nguyễn Minh L ***trình bày:***

- Về hôn nhân: Anh L và chị Đ quen nhau từ năm 2016, thương nhau và chung sống như vợ chồng, không đăng ký kết hôn. Anh chị có với nhau 02 con chung. Sau khi sinh con thứ hai được 02 tháng tuổi thì chị Đ bỏ đi, có liên lạc qua điện thoại hỏi thăm tình hình con cái, nhưng không đồng ý quay lại để chăm sóc cho các con. Hai đứa con từ nhỏ đến lớn đều do cha của anh L nuôi dưỡng. Đến

ngày 27/3/2022, chị Đ và mẹ ruột cùng 12 người giang hồ cầm mã tấu đến nhà cha anh bắt 02 đứa con đi, không liên lạc được. Anh đã cố gắng khuyên nhủ, hàn gắn nhưng không được. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn; mâu thuẫn không thể giải quyết nên anh quyết định ly hôn. Nay anh L yêu cầu được ly hôn với chị Lê Thị Ngọc Đ.

- Về con chung: vợ chồng anh L, chị Đ có 02 con chung: Nguyễn Ngọc G, sinh ngày 26/12/2019; Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 19/01/2021. Hiện nay, các con đã bị chị Đ bắt đi, không rõ nơi ở. Khi ly hôn, anh L yêu cầu được nuôi 02 con chung là Nguyễn Ngọc G, Nguyễn Ngọc M; không yêu cầu chị Lê Thị Ngọc Đ cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa sơ thẩm, anh L thay đổi yêu cầu, anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 19/01/2021, về cấp dưỡng anh không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: không có.

- Về nợ chung: không có.

**** Bị đơn chị Lê Thị Ngọc Đ trình bày:***

- Về hôn nhân: Chị thừa nhận thời gian chung sống cũng như việc không đăng ký kết hôn như anh L trình bày. Vợ chồng sống chung do bất đồng về quan điểm trong cuộc sống dẫn đến mâu thuẫn với nhau. Nay vợ chồng không xây dựng được hạnh phúc nên chị cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh L.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung: Nguyễn Ngọc G, sinh ngày 26/12/2019; Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 19/01/2021. Hiện nay, các con chung đã sống chung với chị Đ. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung. Tại phiên tòa sơ thẩm, chị dậm thay đổi ý kiến, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Ngọc G, sinh ngày 26/12/2019, về cấp dưỡng chị không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ ai và cũng không cho ai nợ.

** Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ do đương sự cung cấp gồm:*

- Sổ hộ khẩu, giấy chứng minh nhân dân (Bản photo).

- Giấy khai sinh Nguyễn Ngọc M, Nguyễn Ngọc G (Bản photo chứng thực).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng: Chị Lê Thị Ngọc Đ là bị đơn trong vụ kiện có địa chỉ tại Tổ A, ấp B, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện C.

- Về hôn nhân: Xét thấy anh Nguyễn Minh L và chị Lê Thị Ngọc Đ quen nhau từ năm 2016, thương nhau và chung sống như vợ chồng, nhưng anh L và chị Đ đã không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật để được công nhận là vợ chồng. Bởi lẽ, tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 quy định "*1.* N*ữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng....*"; và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 cũng quy định: " *Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 điều 14 của Luật này....*". Do anh L và chị Đ không đăng ký kết hôn nên khi anh L xin ly hôn Hội động xét xử không tiến hành hòa giải quan hệ hôn nhân giữa hai người. Vì vậy, Hội đồng xét xử không công nhận anh Nguyễn Minh L và chị Lê Thị Ngọc Đ là vợ chồng do không đăng ký kết hôn.

- Về con chung: Vợ chồng anh L, chị Đ có 02 con chung: Nguyễn Ngọc G, sinh ngày 26/12/2019; Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 19/01/2021. Theo đơn khởi kiện anh L trình bày: Hiện nay, các con đang sống chung với chị Đ; khi ly hôn, anh L yêu cầu được nuôi 02 con chung là Nguyễn Ngọc G, Nguyễn Ngọc M; không yêu cầu chị Lê Thị Ngọc Đ cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên hòa giải ngày 07/7/2022, chị Lê Thị Ngọc Đ trình bày: Hiện nay, các con chung đã sống chung với chị Đ; khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay anh L và chị Đ thống nhất như sau: Anh Nguyễn Minh L tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 19/01/2021, chị Lê Thị Ngọc Đ tiếp tục nuôi con chung Nguyễn Ngọc G, sinh ngày 26/12/2019. Hội đồng xét xử xét thấy: Sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên công nhận. Về cấp dưỡng, anh L và chị Đ đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung lẫn nhau xét thấy đây là sự tự nguyện của các đương sự, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung: Vợ chồng thống nhất không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Không có nợ chung của ai cũng không cho ai mượn nợ.

- Án phí: Anh Nguyễn Minh L phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

* Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận anh Nguyễn Minh L và chị Lê Thị Ngọc Đ là vợ chồng.

2. Về con chung:

Anh Nguyễn Minh L được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 19/01/2021; chị Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh L không có yêu cầu.

Chị Lê Thị Ngọc Đ được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Ngọc G, sinh ngày 26/12/2019; anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Đ không có yêu cầu.

Anh Nguyễn Minh L, chị Lê Thị Ngọc Đ được quyền đến thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Anh Nguyễn Minh L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0009308 ngày 27 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Tòa án tỉnh.
- Lưu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Trung Dũng